TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số:**43/**2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2021
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Đinh Ngọc Phú
2. Bà Ngô Thị Thời

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hải Long – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại Phòng xử án - Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Trọng H, sinh năm 1983.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu VT, phường AQ, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nghiêm Thị P, sinh năm 1990.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu VT, phường AQ, thành phố HD, tỉnh Hải Dương (chị Nghiêm Thị P đã được triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai; biên bản lấy lời khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Đỗ Trọng H đều trình bày: Anh và chị Nghiêm Thị P được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 26/3/2008 tại Uỷ ban nhân dân phường AQ, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có sự hòa hợp, tình cảm lạnh nhạt, chị P vay nợ cá nhân nên ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, anh đã phải trả nợ thay chị P nhiều lần. Mặc dù được

gia đình khuyên giải nhưng chị P vẫn không thay đổi và vẫn nợ nần khiến nhiều người đến nhà đòi tiền do đó anh và P thường xuyên cãi nhau, tình cảm không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm nam nữ từ đầu năm 2021, không ai quan tâm và có trách nhiệm với nhau, không nói chuyện với nhau và không có bất kỳ biện pháp nào để đoàn tụ vợ chồng. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không có hạnh phúc và không thể đoàn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh H xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị P có 03 con chung là Đỗ VA, sinh ngày 12/02/2009; Đỗ TN, sinh ngày 28/11/2010; Đỗ QV, sinh ngày 02/8/2018, từ khi vợ chồng sống ly thân anh là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung còn chị P không có trách nhiệm gì, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 03 con chung, các con chung có nguyện vọng ở với anh anh đồng ý, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng, hiện tại anh làm chủ xưởng cơ khí tại nhà có nhiều việc thu nhập ổn định bình quân 20.000.000đ/tháng, có nhà 03 tầng rộng rãi đầy đủ điều kiện nuôi con, bản thân chị P bỏ bê, không có trách nhiệm, không quan tâm đến con và thuê nhà, nợ nần nên không thể nuôi con được.

Về tài sản chung*:* Không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nghiêm Thị P đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời Tòa án còn niêm yết, triệu tập hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của Anh H nhưng đều cố tình vắng mặt không rõ lý do và không có quan điểm về việc ly hôn và con chung, tài sản chung nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 11/5/2021, đại diện khu dân cư VT, phường AQ, thành phố HD cung cấp. Anh H và chị P xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, hay cãi nhau, chị P làm công ty nhưng vay nợ có nhiều người đến đòi nợ. Khu dân cư đã nhiều lần giao giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị P nhưng chị P không hợp tác có lần nhận văn bản có lần nhận văn bản đọc xong nhưng không ký biên bản nên Tòa án đã phải niêm yết tại nơi cư trú của chị P và Ủy ban phường Ái Quốc nơi chị P cư trú các văn bản của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai bà Đoàn Thị Ha mẹ đẻ Anh H cung cấp mâu thuẫn của H P do vợ chồng không hòa hợp, chị P chơi bời nợ nần nhiều người đến đòi nợ, Anh H đã phải trả nợ cho chị P, chị P thuê trọ biết Anh H ly hôn nhưng cố tình không hợp tác và không có trách nhiệm với các con.

Tại biên bản lấy lời khai anh Đỗ Văn Th là hàng xóm cạnh nhà Anh H, P cung cấp H P mâu thuẫn là do P nợ nần chơi bời dẫn đến hai bên cãi nhau.

Tại biên bản xác minh Công an phường Ái Quốc cung cấp chị P hiện cư trú, sinh sống tại khu VT, phường ÁQ và chưa chuyển khẩu đi đâu.

Tại phiên toà hôm nay, anh Đỗ Trọng H có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị P và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được

nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Về tài sản chung: không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Chị Nghiêm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cần niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú của đương sự, xác minh thêm nơi làm việc của bị đơn, lấy lời khai của bố mẹ chị P để xác định mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đỗ Trọng H và chị Nghiêm Thị P là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 171, Điều 179, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Trọng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Trọng H được ly hôn chị Nghiêm Thị P.

- Về con chung: Giao cho anh Đỗ Trọng H trực tiếp nuôi con chung Đỗ VA, sinh ngày 12/02/2009; Đỗ TN sinh, ngày 28/11/2010; Đỗ QV, sinh ngày 02/8/2018. Thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành. Chị Nghiêm Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh Đỗ Trọng H không yêu cầu. Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không phải giải quyết.

- Về án phí: Anh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên, bị đơn và kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Đỗ Trọng H yêu cầu xin ly hôn với chị Nghiêm Thị P và tranh chấp nuôi con nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con là những tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh. Anh Đỗ Trọng H có đơn xin ly hôn chị Nghiêm Thị P, do bị đơn chị P cư trú tại khu VT, phường AQ, TP. Hải Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Đỗ Trọng H vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn chị Nghiêm Thị P nhiều lần tham gia phiên hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt hợp lệ đối với bị đơn để tham gia phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 18/6/2021; lần thứ hai, thứ ba vào ngày 09/7/2021; 23/9/2021, phiên tòa lần thứ nhất ngày 08/11/2021 và tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn được UBND phường Ái Quốc, TP. Hải Dương cấp giấy chứng nhận vào ngày 26 tháng 3 năm 2008 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét Anh H cho rằng giữa anh và chị P đã phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị P vay nợ dẫn đến kinh tế gia đình ảnh hưởng. Nay anh không còn tình cảm với chị P, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cương quyết yêu cầu ly hôn chị P. Chị P đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt và không gửi đến Tòa án văn bản tài liệu gì nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Anh H thể hiện chị không còn thiết tha gì đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa Anh H và chị P đã thật sự rạn nứt, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Anh H yêu cầu xin ly hôn với chị P là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình.

[5] Xét về con chung: Anh H và chị P có 3 con chung. Hiện Anh H nuôi dưỡng cả ba con chung, hai con lớn Đỗ VA, sinh ngày 12/02/2009; Đỗ TN, sinh ngày 28/11/2010 đều có nguyện vọng xin ở với Anh H, Anh H có nguyện vọng nuôi các con chung, Anh H làm chủ xưởng cơ khí tại nhà nhiều việc thu nhập ổn định 20.000.000đ/tháng, có nhà cao tầng rộng rãi khang trang có điều kiện để nuôi

con, chị P ra thuê trọ và không quan tâm có trách nhiệm với con chung, không có quan điểm nuôi con nên cần và ghi nhận sự tự nguyện này của các con chung và chấp nhận yêu cầu của Anh H. Giao cho Anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị P, căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị P không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, nếu chị P có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì chị P có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Anh Đỗ Trọng H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 235, khoản 4 Điều 147, Điều 171, Điều 177, Điều 179, Điều 266, 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đỗ Trọng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đỗ Trọng H được ly hôn chị Nghiêm Thị P.

2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Trọng H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ VA, sinh ngày 12/02/2009; Đỗ TN, sinh ngày 28/11/2010; Đỗ QV, sinh ngày 02/8/2018; thời gian nuôi dưỡng kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành hoặc có thỏa thuận khác. Anh Đỗ Trọng H không yêu cầu chị Nghiêm Thị P cấp dưỡng. Chị Nghiêm Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đỗ Trọng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí do Anh H đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0005153 ngày 15/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Anh Đỗ Trọng H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Các đương sự (nguyên đơn, bị đơn);
- UBND phường Ái Quốc- TP. Hải Dương ghi sổ hộ tịch.
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Quang Minh